

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 8 - 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Xuân TH
2. Ông Đặng Quang Vọng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX - ST ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đậu Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

**Bị đơn:** Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1983 (có mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đậu Thị T trình bày:***

Chị và anh Dương Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 12/01/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phước Long (nay là UBND xã B, huyện Phú Riềng). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung

sống tại xã B, huyện Phú Riềng được 03 năm thì chuyển đến khu phố 2, phường P sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn chăm lo cho nhau như trước đây. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

*Về con chung:* Chị T và anh H có hai người con chung tên Dương Đình H1, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Thị Hoài A, sinh ngày 28/10/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H1, A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, để hai cháu được ở cùng nhau, không phải chia cách; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai ngày 11/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Dương Ngọc H trình bày:***

Anh đồng ý anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phước Long (nay là UBND xã B, huyện Phú Riềng) vào ngày 12/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuối năm 2018 anh H về Bình Dương buôn bán cùng gia đình mà không bàn bạc với chị T, vợ chồng có ít thời gian để quan tâm, chăm sóc đối với nhau. Về sau anh H có nghe nói chị T có tình cảm với người đàn ông khác, anh đã bỏ qua để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị T có thái độ coi thường, không còn quan tâm đến anh nên anh nóng giận có đánh chị T, anh đã xin lỗi và nhiều lần làm hòa nhưng chị T bảo không còn tình cảm. Đến giữa tháng 5/2020 chị T dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở đến nay, anh đã nhiều lần xuống nhà mẹ của chị T để nói chuyện mong chị T quay về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh, anh H đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Anh thống nhất trong thời gian chung sống, anh và chị T có hai người con chung là tên Dương Đình H1, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Thị Hoài A, sinh ngày 28/10/2012. Anh yêu cầu được nuôi một trong hai người con chung, đề nghị xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh H đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T phải tạo điều kiện cho anh thăm nom và đưa đón các con về ở với anh vào các ngày cuối tuần và các dịp lễ, hiếu, hỷ.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 2, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Phước Long (nay là UBND xã B, huyện Phú Riềng), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 12/01/2007. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh H đều thừa nhận, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không còn sự tôn trọng, yêu T chăm sóc lẫn nhau nữa nên thường xuyên cãi vã. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, Chị T vẫn giữ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết, cháu H1, cháu An đều có nguyện vọng ở với mẹ; từ khi sống ly thân các cháu do chị T nuôi dưỡng, đảm bảo mọi mặt về việc phát triển thể chất và tinh thần của các cháu. Xét điều kiện của chị T hiện nay có công việc, thu nhập ổn định và anh H cũng đồng ý giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp nuôi con của chị T, giao các con chung Dương Đình H1, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Thị Hoài A, sinh ngày 28/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu H1, A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đậu Thị T được ly hôn với anh Dương Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung Dương Đình H1, sinh ngày 31/12/2006 và Dương Thị Hoài A, sinh ngày 28/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu H1, A đủ 18 tuổi.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Đậu Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2020).

*“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS TX. Phước Long;
- UBND xã B, huyện Phú Riềng,  
(số 07 ngày 12/01/2007);
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Trần Ánh Nguyệt**